

NHỮNG KINH NGHIỆM BƯỚC ĐẦU TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN LỢN LAI KINH TẾ Ở HÀ-NỘI

TRẦN DUY DƯƠNG

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN LỢN LAI KINH TẾ

Lai kinh tế là phương pháp dùng lợn ngoại cho giao phối với giống lợn nội được tuyển lựa để tạo ra giống lợn mới có năng suất cao nhằm tăng nhanh sản lượng thịt, tăng năng suất chăn nuôi, góp phần đưa chăn nuôi trở thành một ngành sản xuất lớn trong sản xuất nông nghiệp.

Được sự giúp đỡ của các cơ quan nghiên cứu ở trung ương (Viện chăn nuôi, Trường đại học Nông nghiệp, v.v...), và sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Nông nghiệp, sau nhiều năm phấn đấu, phong trào nuôi lợn lai kinh tế của ngoại thành Hà-nội đã thu được những kết quả bước đầu.

Để cải tạo đàn giống, nâng cao phẩm chất đàn lợn thịt, thành phố chúng tôi đã tổ chức một trạm thụ tinh nhân tạo lợn nội nhằm sử dụng hết hiệu suất của những con đực đã được chọn lọc, góp phần thanh toán đàn lợn đực nhỏ và quá xấu. Nhưng việc lấy tinh, pha chế và bảo quản tinh lợn nội có rất nhiều khó khăn.

Đầu năm 1958, Bộ Nông nghiệp đã phân phối cho Hà-nội một số lợn ngoại để nuôi dưỡng thích nghi và nhân giống thuần, phục vụ cho công tác lai tạo. Năm 1960, đàn lợn bị suyễn. Sau khi diệt toàn đàn, một lợn đực tốt được giữ lại chuyển về trạm thụ tinh để chuẩn bị thay thế cho đàn lợn đực nội. Cũng trong thời gian này, chúng tôi cử cán bộ kỹ thuật phụ trách trạm và chọn một số cán bộ kỹ thuật sơ

cấp trong các hợp tác xã cho đi dự lớp huấn luyện thụ tinh nhân tạo do Ban Chăn nuôi (thuộc Học viện Nông-Lâm) tổ chức.

Đầu năm 1962, trạm thụ tinh nhân tạo thuộc Sở Nông nghiệp Hà-nội bắt đầu sản xuất tinh lợn ngoại. Ba con đực giống Yorkshire đã được bồi dưỡng, chăm sóc tốt và huấn luyện xong nhảy giá lấy tinh.

Sau 4 năm gây dựng, Hà-nội bắt đầu có một trạm thụ tinh với ba lợn đực giống ngoại lấy tinh, một cán bộ kỹ thuật phụ trách trạm thông thạo nghiệp vụ, một công nhân chuyên trách có kinh nghiệm nuôi lợn đực lấy tinh và chín anh em dẫn tinh viên ở rải rác cả nội và ngoại thành.

Trạm bắt đầu sản xuất tinh với sự giúp đỡ và hướng dẫn của Học viện Nông - Lâm, do đó phẩm chất tinh bảo đảm đầy đủ những tiêu chuẩn cần thiết. Số tinh sản xuất ra được các dẫn tinh viên đưa về các hợp tác xã để thực hiện việc thụ tinh nhân tạo cho đàn nái. Tỷ lệ thụ thai đạt tới 75%. Đàn lợn đẻ ra khỏe mạnh, lớn nhanh hơn lợn Ỉ, gây được lòng tin của bà con nông dân đối với việc chăn nuôi lợn lai kinh tế và tác dụng của khoa học kỹ thuật trong công tác chăn nuôi.

Trong thời gian này, cán bộ kỹ thuật của chúng tôi phần đông là mới, chưa có kinh nghiệm nuôi dưỡng đàn lợn lai kinh tế để hướng dẫn cho các hợp tác xã, nên khi đàn lợn con từ 2 tháng tuổi (sau cai sữa) đến lúc thành lợn choai, số đông bị xù lông, chậm lớn, phá chuồng v.v... Bà con nông dân thiếu tin tưởng vào giống lợn lai kinh tế, nhiều gia đình và tập thể lại quay lại với đàn lợn Ỉ. Lẽ lẽ, có một số gia đình và cơ sở, do điều kiện và trình

độ nuôi dưỡng lợn nái giỏi, đã duy trì được đàn lợn con lai kinh tế, tổ chức nuôi dưỡng tốt, phát huy được tính ưu việt của giống lợn lai. Dựa vào những kết quả trên, thành phố đã kiên trì vận động, tổ chức cho nông dân và hợp tác xã tiếp tục chăn nuôi lợn lai kinh tế. Từ đó phong trào lại phục hồi, và đã tạo ra những điển hình chăn nuôi tốt, mở đầu là xã Đại-mỗ thuộc huyện Từ-liêm. Đại-mỗ là xã có nhiều lợn nái, nhân dân có kinh nghiệm nuôi lợn nái giỏi. Ở đây đã đào tạo được cán bộ dẫn tinh tốt, được Đảng ủy xã chỉ đạo chặt chẽ nên từ năm 1963 đến nay đã trở thành một xã cung cấp nhiều lợn con lai kinh tế cho toàn thành.

Qua 4 năm chuẩn bị (1958—1962) và sau 8 năm hoạt động, việc tổ chức chỉ đạo chăn nuôi lợn lai kinh tế của thành phố Hà-nội đã đạt được một số kết quả sau đây:

1. Xây dựng được một trạm thụ tinh tương đối hoàn chỉnh, đủ khả năng cung cấp tinh cho đàn nái của ngoại thành với phẩm chất tốt.

2. Đào tạo được một đội ngũ cán bộ, công nhân kĩ thuật có trình độ nghiệp vụ để cung cấp cho các phân trạm (trong trường hợp cần đặt cho mỗi huyện một phân trạm thụ tinh). Có một mạng lưới dẫn tinh viên thao tác khá (tỉ lệ thụ thai của đàn nái được thụ tinh đạt từ 85 đến 90% với số con đẻ bình quân 7 con/một lứa). Số dẫn tinh viên này đã phát triển từ 9 người năm 1962, lên tới 72 người năm 1968 và 125 người năm 1970 (chỉ tính những anh em dẫn tinh viên thực sự hoạt động).

3. Nâng cao hiệu suất của một đực giống từ 220 lứa/năm (1962) lên 762 lứa/năm (1968), đồng thời nâng tỉ lệ thụ thai của đàn nái từ 75% (1962) lên 86% (1968).

4. Từ những con lợn ngoại của Viện Chăn nuôi cung cấp năm 1965, Hà-nội đã nhân lên để có đầy đủ khả năng cung cấp cho trạm thụ tinh sản xuất tinh dịch. Ngoài việc cung cấp tinh dịch cho toàn bộ đàn lợn nái của Hà-nội, năm 1971 và những năm tới cũng có đủ khả năng cung cấp tinh dịch phục vụ đàn lợn nái của các huyện thuộc các tỉnh bạn gần Hà-nội, để tạo nên một giống lợn mới thích nghi với điều kiện chăn nuôi của hợp tác xã, góp phần cung cấp cho các tỉnh bạn một số giống lợn ngoại (cả đực và nái) để phục vụ phong trào chung.

5. Năm 1970 Hà-nội đã có lứa nái thụ tinh lợn ngoại chiếm 39% tổng số lứa đẻ trong năm, nếu kể cả những lứa đẻ chuyển tiếp đến

quí I-1971, thì năm 1970 Hà-nội đã sản xuất được trên 60% lợn lai kinh tế trong tổng số đàn lợn thịt.

6. Bằng biện pháp phát triển lợn lai kinh tế đã nâng được trọng lượng bình quân lợn xuất chuồng của toàn thành:

	1962	1965	1968	1969	1970
Tỉ lệ lợn lai		7%	14%	20%	39%
Trọng lượng bình quân xuất chuồng (kg)	37,5	40,1	40	43,3	48,3

Trong 22 hợp tác xã trọng điểm chăn nuôi, do tỉ lệ lợn lai kinh tế nuôi trong trại tập thể cao, nên bình quân lợn xuất chuồng tập thể nói chung của 22 hợp tác xã là 59,4 kg/con, trong khi đó bình quân lợn xuất chuồng của khu vực gia đình xã viên chỉ đạt 49,3 kg.

Hợp tác xã Khuyến-lương, tỉ lệ lợn lai kinh tế của trại tập thể chiếm 95%, nên trọng lượng lợn xuất chuồng bình quân đạt 85,4 kg; v.v... (sản lượng thịt xuất chuồng của 22 hợp tác xã là 1228 tấn. Riêng của tập thể là 332 tấn).

7. Bằng biện pháp phát triển nuôi lợn lai kinh tế, có thể phấn đấu nhanh chóng làm cho ngành chăn nuôi có lãi.

Lợn lai nuôi mau lớn, đỡ tốn thức ăn. Đã sản xuất 1 kg thịt, lợn lai giảm hơn lợn ỉ 16—25% chi phí thức ăn. Thời gian nuôi ngắn, do đó hệ số xuất chuồng cao, giảm được chi phí về giống, nâng cao được công suất sử dụng chuồng trại.

Năm 1970, hợp tác xã Tiên-phong (xã Trung-hòa) nuôi 123 lợn tập thể, sản lượng thịt hơi là 17,7 tấn.

Hệ số xuất chuồng của lợn thịt năm 1969 là 1,4 đã nâng lên 2,1 năm 1970. Thời gian nuôi là 8 tháng đạt 57,2 kg (1969), đã rút ngắn lại còn 7 tháng nhưng trọng lượng bình quân đạt 64,6 kg/con (1970).

∴

Tuy nhiên, phong trào phát triển lợn lai kinh tế của Hà-nội cũng còn những mặt yếu:

—Đàn lợn nái của ngoại thành tuy đã được bình tuyển, chọn lọc nhiều năm, nhưng tỉ lệ lợn cấp III còn trên dưới 40%, trọng lượng bình quân mỗi con nái đạt 45 kg. Do đó chưa phát huy được đầy đủ tính ưu việt của lợn lai.

—Phong trào chưa thật đồng đều trong các huyện, ngay trong một huyện cũng chưa đồng đều trong các xã.

Có huyện, tỉ lệ lợn lai còn quá thấp, trong

khi đó đàn lợn nái của huyện chiếm 1/3 đàn nái của toàn thành. Có huyện có nhiều điều kiện để phát triển, nhưng tốc độ phát triển chậm và có xu hướng dừng lại, v.v...

— Thức ăn chưa được giải quyết tốt, nhất là thức ăn xanh và đậm.

Tất cả những tồn tại trên đây đã hạn chế rất lớn đến trọng lượng đàn lợn xuất chuồng.

NHỮNG KINH NGHIỆM BƯỚC ĐẦU

1. Chỉ đạo phải thật cụ thể, thật kiên trì và toàn diện, và thường xuyên đấu tranh tư tưởng.

Thay đàn lợn thịt giống địa phương bằng đàn lợn lai, thực chất là thay đổi cả một tập quán chăn nuôi. Nó đòi hỏi phải có thời gian, có cơ sở vật chất, có đội ngũ cán bộ, công nhân tinh thông nghiệp vụ, v.v... Do đó, các cấp ủy Đảng và chính quyền từ trên xuống dưới phải có một nhận thức thật đầy đủ; trong chỉ đạo phải có quyết tâm, kiên trì và nhất là phải thật cụ thể; phải thường xuyên đấu tranh với tư tưởng chậm tiến.

Chính do nhận thức không đầy đủ và toàn diện trong một số cấp ủy, nên phong trào phát triển lợn lai kinh tế của Hà-nội có tình trạng không đồng đều như phần trên đã nhận định.

Sự quan tâm đầy đủ và thường xuyên của cấp ủy là rất cần thiết, nhưng đồng thời phải cụ thể, chặt chẽ và chính xác. Vì thực chất đây là một mặt quan trọng của cuộc cách mạng kĩ thuật trong chăn nuôi.

2. Xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công nhân lành nghề.

Trước hết phải có một cơ sở sản xuất tinh hoàn chỉnh (trạm thụ tinh nhân tạo lợn ngoại).

Trạm thụ tinh phải có các điều kiện sau đây:

— Đàn lợn đực giống tốt (kèm theo một số nái cơ bản để sản xuất đực hậu bị thay thế).

— Chuồng, trại thích hợp với lợn ngoại, có đủ nước cho lợn (tắm, chải, rửa chuồng v.v...)

— Có đầy đủ trang bị, thiết bị dùng cho việc lấy tinh, pha chế tinh, vận chuyển tinh v.v...

— Luôn luôn chủ động thức ăn, hết sức chú ý thức ăn đậm (bao gồm đậm động vật và đậm thực vật).

— Có cán bộ, công nhân giỏi, am hiểu nghiệp vụ (lấy tinh, pha chế tinh, nuôi lợn đực, huấn luyện lợn lấy tinh v.v...).

— Theo dõi, giúp đỡ, bồi dưỡng mạng lưới dẫn tinh viên là sợi dây nối liền giữa trạm với phong trào, phát huy tác dụng của trạm đối với phong trào.

3. Chỉ đạo một xã có nhiều lợn nái có điều kiện nhanh chóng sản xuất nhiều lợn con lai kinh tế cung cấp cho phong trào, đồng thời tạo điều kiện nuôi lợn thịt lai kinh tế.

Trong phạm vi một huyện, không phải hợp tác xã nào cũng có đủ điều kiện phát triển lợn lai kinh tế khi phong trào mới bắt đầu. Do đó, trong mỗi huyện nên chọn một hoặc hai xã có tập quán nuôi nhiều lợn nái, có điều kiện thức ăn, được cấp ủy cơ sở nhiệt tình ủng hộ, để chuyên sản xuất lợn con lai kinh tế cung cấp cho các hợp tác xã khác dưới sự điều hòa của huyện.

Những xã này cần có các điều kiện sau đây:

— Có các loại thức ăn: hoa màu, rau xanh dùng cho chăn nuôi tương đối phong phú.

— Có kinh nghiệm chăn nuôi lợn nái, mạnh dạn tiếp thu khoa học kĩ thuật.

— Có đàn nái được chọn lọc, có một số lượng tương đối lớn.

— Thuận tiện giao thông, gần trạm thụ tinh.

— Bảo đảm an toàn dịch bệnh.

— Có cán bộ dẫn tinh giỏi, có trình độ quản lí được đàn nái.

Ngoài ra, cần tạo nên những điển hình nuôi lợn lai kinh tế có năng suất cao để tổ chức tham quan học tập tại chỗ. Đó là một phương pháp tuyên truyền vận động có hiệu lực nhất.

4. Có chính sách động viên khuyến khích phong trào.

Để khuyến khích phong trào, trong những năm đầu nên có chính sách ưu tiên cho những cá nhân và đơn vị sản xuất lợn con lai kinh tế giỏi. Ví dụ: lợn con khi cai sữa có trọng lượng cao, lợn nái thụ tinh xếp cấp I, đặc cấp v.v... Giá thu mua lợn lai kinh tế có thể cho ngang hoặc cao hơn giá thu mua lợn thịt địa phương.

Đặc biệt cần chú ý khuyến khích đối với các loại lợn có trọng lượng từ 80 kg trở lên.

Đối với anh em dẫn tinh viên là người trực tiếp ở cơ sở có quan hệ gần bó với phong trào, huyện cần có qui định cụ thể để các hợp tác xã thực hiện chế độ công điền cho anh em. Ví dụ ở huyện Gia-lâm, qui định chế độ công điền chung cho dẫn tinh viên trong toàn huyện như sau:

Hợp tác xã có dưới 100 nái thì dẫn tinh viên hưởng 50 đến 80 công/năm; hợp tác xã có 100 đến 200 nái thì dẫn tinh viên hưởng 80 đến 120 công/năm; hợp tác xã có trên 200 nái thì dẫn tinh viên hưởng 150 công/năm.

Ngoài ra còn được thu tiền mỗi lần dẫn tinh 1,5 — 2 đồng (dẫn tinh viên trả tiền tinh). Trường hợp tinh do Nhà nước cho không

thì có thể rút bớt số tiền hưởng mỗi lần dẫn xuống 1—1,5 đồng.

Nên thường xuyên họp mặt với anh em để động viên những người làm giỏi, đạt tỉ lệ thụ thai cao. Hướng dẫn anh em ghi chép sổ sách cẩn thận, vì đây là những tài liệu quý cho công tác giống không những trước mắt mà cả lâu dài sau này. Mở những lớp ngắn ngày để đào tạo thêm người mới (chủ ý đến các nông trường và trại chăn nuôi tập thể), bồi dưỡng thêm nghiệp vụ cho anh em cũ để nâng cao kiến thức khoa học kĩ thuật trong công tác thụ tinh nhân tạo.

5. Một số biện pháp kĩ thuật nuôi dưỡng lợn lai kinh tế đạt năng suất cao.

— Đặc điểm của lợn lai kinh tế :

Ưu thế của lợn lai so với lợn thuần địa phương thể hiện trên ba mặt :

- Đặc tính di truyền phong phú (con lợn lai mang đặc điểm di truyền của 2—3 giống khác nhau).

- Có sức sống cao (vì bản thân mang một máu thuần bên trong cao).

- Tính di truyền bảo thủ bị phá vỡ do đó dễ thích nghi với hoàn cảnh sống mới.

Đây là một đặc điểm cơ bản chỉ đạo toàn bộ

các biện pháp kĩ thuật tác dụng vào gia súc để đạt năng suất cao.

Lợn lai sinh trưởng nhanh, ngay từ khi mới đẻ đã có trọng lượng cao hơn lợn thuần địa phương, có sức hoạt động cao.

	Trọng lượng sơ sinh	1 tháng tuổi	2 tháng tuổi
Lợn Ỉ	0,4—0,5 kg	2—2,5 kg	4,5—6 kg
Lợn lai F ₁	0,55—0,65	3,5—4,5	7,5—9

Lợn lai phát dục muộn hơn lợn Ỉ; lợn Ỉ 3—4 tháng tuổi đã động dục lần đầu; lợn lai 5—6 tháng tuổi mới động dục lần đầu.

Do sinh trưởng nhanh nên nhu cầu về khoáng (để cấu tạo bộ xương) và đạm (để xây dựng cơ thể) cao hơn lợn Ỉ.

Lợn lai có nhược điểm là sức chịu bệnh kém. Đặc biệt là rất nhạy cảm với ghẻ, lở loét, kí sinh trùng đường ruột.

Lợn lai rất kém chịu nóng, ưa tắm, chải, nếu được tắm, chải luôn sẽ giúp cho lợn chóng lớn, nhất là thời kì lợn choai.

Nếu thụ tinh cho những lợn nái có trọng lượng từ 50 kg trở lên sẽ cho đàn lợn con có sức sống cao, tỉ lệ nuôi sống và trọng lượng bình quân cũng như trọng lượng toàn ổ cao hơn lợn Ỉ thuần rất nhiều.

Qua theo dõi, so sánh nhiều ổ cho kết quả sau :

Giống lợn	Số con đẻ ra nuôi sống	Trọng lượng khi cai sữa	
		1 con	Toàn ổ
Đại bạch × Ỉ	8,66	9,79	84,78
Ỉ × Ỉ	7,9	6,5	51,35
Kết quả chênh lệch	0,76	3,29	33,43

Từ những đặc điểm trên làm cho khả năng tăng trọng của lợn thịt lai kinh tế rất cao.

Tổng kết một số đợt nghiên cứu, thí nghiệm, thông qua các kết quả chăn nuôi của các đơn vị nông trường, trại tập thể của hợp tác xã và một số gia đình xã viên, lợn lai kinh tế nuôi trong thời gian 6—8 tháng có thể đạt 60—80 kg, nếu với điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc tốt có thể đạt 80—100 kg (kể cả trọng lượng sơ sinh). Mức bình quân tăng trọng hằng tháng đạt phổ biến trên dưới 9 kg, cao nhất trên 10 kg.

Ví dụ : lợn của hợp tác xã Khuyến-lương nuôi ở trại tập thể tăng trọng bình quân 9,75 kg/con/tháng. Đàn lợn của hợp tác xã Ngô-thôn đạt tăng trọng bình quân 9,1 kg/con/tháng.

Gia đình bà Hợi ở xã Trung-hòa (Tứ-Hiem) nuôi 8 con lợn lai trong 6 tháng đạt bình

quân 70 kg/con. Gia đình bà Kíp (ở Trung-hòa) nuôi 6 con trong 7 tháng đạt bình quân 95 kg/con. Con cao nhất đạt 120 kg, con thấp nhất đạt 81 kg. v.v...

Do khả năng tăng trọng lớn, nên tổng số thức ăn đầu tư cho lợn lai kinh tế so với lợn Ỉ giảm hơn (như phần trên đã ghi). Tính ra cứ tăng 1 kg thịt hơi ở lợn Ỉ phải sử dụng 5—6,5 đơn vị thức ăn, thì ở lợn lai kinh tế chỉ cần 5—5,5 đơn vị, nhưng với tỉ lệ đạm phải bảo đảm 90—100 g/đv. Tỉ lệ rau xanh, nếu lợn Ỉ chỉ có khả năng sử dụng được 25—30% trên tổng số đơn vị thức ăn, thì lợn lai kinh tế có thể sử dụng rau xanh tới 30—40%.

— Một số biện pháp kĩ thuật chính :

Thức ăn—Điều trước tiên phải nghĩ đến là

việc cung cấp đủ rau xanh (non, ngon) nhiều loại cho lợn, nhất là thời kì lợn choai.

Ở giai đoạn sau cai sữa (2 tháng đầu), nhất thiết phải cho ăn tăng hơn khẩu phần lợn ỉ từ 30 đến 40% thức ăn tinh.

Thức ăn đậm, cố gắng bảo đảm 90 g/đv. Nếu có thể được, từ 100 đến 115 g, thì tăng trọng của lợn càng nhanh, tiêu tốn thức ăn càng thấp.

Cần chú ý đến việc bổ sung chất khoáng.

Thụ tinh — Chỉ thụ tinh cho lợn nái từ cấp II trở lên, có trọng lượng trên 50 kg. Phải nắm vững chu kì động dục để thụ tinh đúng thời gian cần thiết, tránh phải thụ tới 2 lần, như vậy sẽ nhỏ lứa, hoặc đẻ ít con.

Nuôi lợn nái khi chữa và đẻ — Lợn nái chữa từ tháng thứ 3 trở đi cần bồi dưỡng tốt. Sau khi đẻ một tháng cần cho ăn tốt để đủ sữa nuôi đàn con. Nên cho lợn con tập ăn sớm để lợn mẹ khỏi sút (vì trọng lượng lợn con cao). Nên cai sữa đúng 60 ngày hoặc sớm hơn nếu bình quân lợn con đã được 8—9 kg/con và một ổ có tới 8 con.

Giai đoạn nuôi lợn thịt — Khi lợn mới cai sữa phải cho ăn thật đầy đủ, chia thành nhiều bữa trong một ngày. Thức ăn bảo đảm đủ các chất dinh dưỡng.

Chú ý chống nóng cho lợn. Tẩy giun sán cho lợn choai. Mùa hè không những phải tắm cho lợn, mà hằng ngày còn phải cho lợn uống nước đầy đủ. Mùa đông cho lợn uống nước nóng. Tránh vỗ béo lợn vào mùa hè.

Đặc điểm của lợn lai kinh tế khác với lợn thuần giống là ưu thế lai. Vì vậy lợn lai cho năng suất cao nhất, lợi dụng thức ăn tốt nhất; trong hoàn cảnh sống thích hợp sẽ tạo điều kiện cho ưu thế lai được phát huy tới mức cao nhất. Kết quả thực tế của nhiều năm phát triển trong các hợp tác xã, trong các nông trường và trong các gia đình xã viên đã chứng minh điều đó.

Nếu nghĩ rằng nuôi lợn lai « ăn tốn », đám

ra rụt rè, hà tiện khi cho ăn, đó là một tính toán sai lầm cần phải tránh. Nhưng nếu cho rằng lợn lai « có ưu thế » mà coi nhẹ các biện pháp kĩ thuật trong quản lí, chăm sóc, nuôi dưỡng cũng sẽ không đạt được kết quả tốt.

Không còn nghi ngờ gì nữa, việc phát triển lợn lai kinh tế không những là nhu cầu cấp thiết hiện nay để cân đối với trồng trọt, để nhanh chóng góp phần đưa chăn nuôi lên thành một ngành kinh doanh chính, vừa nhanh chóng nâng cao năng suất, nâng cao tổng sản lượng thịt mà còn góp phần nâng cao năng suất lao động trong ngành chăn nuôi. Đó là một chủ trương rất đúng đắn, rất kịp thời, đồng thời là một nhu cầu đòi hỏi hiện nay trong các cơ sở chăn nuôi.

Hà-nội sau nhiều năm phấn đấu phát triển đàn lợn lai kinh tế, với sự giúp đỡ rất tận tình của các cơ quan nghiên cứu ở trung ương, chúng tôi đã thu được một số kết quả bước đầu.

Tuy nhiên cũng còn những tồn tại và nhược điểm nhất định. Tồn tại lớn nhất như đã nêu ở phần trên, là trọng lượng đàn lợn xuất chuồng bình quân của toàn thành chưa đạt được 50 kg/con (chưa kể khu vực nông trường quốc doanh); chỉ mới có huyện Thanh-tri đạt bình quân 50,1 kg/con, còn ba huyện khác mới đạt trên 40 kg.

Trong những năm tới, chúng tôi còn phải phấn đấu nhiều hơn nữa với sự giúp đỡ của các cơ quan trung ương để phát huy những kết quả đã đạt được và quyết tâm khắc phục những nhược điểm và tồn tại để đưa phong trào lên một cách đồng đều trong các huyện và trong cả ba khu vực (nông trường quốc doanh, trại tập thể và gia đình xã viên).

Làm thế nào trong 5 năm tới, đàn lợn xuất chuồng của Hà-nội (cả ba khu vực) phải đạt 80 — 100 kg/con, với thời gian nuôi từ 6 đến 8 tháng.

Đó là mục tiêu phấn đấu trước mắt của Hà-nội.